



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
THAINGUYEN UNIVERSITY

ISSN 1859 - 2171

TẠP CHÍ
KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI - NHÂN VĂN - KINH TẾ
SOCIAL SCIENCES - HUMANITIES - ECONOMICS

Tập 175, số 15, 2017

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI – NHÂN VĂN – KINH TẾ

Mục lục	Trang
Bùi Hoàng Tân - Tình hình sở hữu ruộng đất công ở huyện Hà Châu, tỉnh Hà Tiên qua nghiên cứu tư liệu địa bạ năm Minh Mạng thứ 17 (1836)	3
Đoàn Thị Yến - Vua Tự Đức với vấn đề Công giáo trước và sau năm 1862	9
Trần Minh Thuận - Vấn đề ruộng đất và các cuộc đấu tranh tự phát của nông dân ở tỉnh Bạc Liêu thời Pháp thuộc	15
Đồng Văn Quân - Các kiểu chế độ dân chủ trong lịch sử và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay	21
Lê Thị Giang, Lê Thị Hương - Nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và xây dựng con người	27
Cao Thị Phương Nhung, Ngô Thị Quang - Chủ tịch Hồ Chí Minh bàn về công tác học tập lí luận trong tác phẩm “Diễn văn khai mạc lớp học lí luận khóa I trường Nguyễn Ái Quốc”	33
Lưu Thu Trang - Bi kịch của nhân vật Grigori Melekhov qua mối quan hệ với hai nhân vật nữ Aksinia và Natalia trong tác phẩm <i>Sông Đông êm đềm</i> (M. Sholokhov)	39
Hoàng Thị Tuyết Mai - Thế giới trắng trong thơ Nguyễn Huy Oánh	45
Nguyễn Diệu Linh - Cá sinh trong văn hóa ẩm thực của người Thái trắng ở xã Sơn A, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	49
Nguyễn Thị Tân Tiến, Hà Thị Hằng - Sự khác biệt về kết quả chuẩn đầu ra tin học của sinh viên học học phần Tin học đại cương với sinh viên đạt chứng chỉ IC3 ở trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên	55
Đầu Thị Thu - Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế nghề nghiệp	61
Nguyễn Ngọc Bích, Dương Tố Quỳnh - Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn bóng chuyền cho sinh viên trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên	67
Lưu Quang Sáng - Một số phương pháp dạy học chữ Hán cho người Việt	73
Hoàng Thị Hải Yến - Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức trong việc xây dựng đạo đức, lối sống cho sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên hiện nay	79
Phùng Thị Tuyết, Nông Hồng Hạnh - Đánh giá trong dạy học qua đề án ở bộ môn tiếng Trung Quốc - Khoa Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên	85
Trần Hoàng Tinh - Thực trạng và biện pháp xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện giáo dục tính kỷ luật cho sinh viên tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	91
Hoàng Thị Lý - Vai trò của hoạt động giảng dạy trong việc làm tăng khả năng đọc hiểu tiếng Anh của sinh viên năm nhất	97
Dương Thị Hồng An, Đặng Phương Mai - Đánh giá phần mềm hỗ trợ học tập và giảng dạy tiếng Anh tại trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông – Đại học Thái Nguyên	103
Tạ Thị Mai Hương, Nguyễn Văn Thịnh, Nguyễn Thị Hạnh Hồng - Tác động của việc sử dụng hồ sơ bài tập lên sự phát triển kĩ năng nghe hiểu của sinh viên: nghiên cứu trường hợp tại trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên	109
Trần Tuấn Anh, Đỗ Văn Hải, Trần Thị Thu Thủy, Hoàng Văn Hùng - Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu phục vụ công tác quản lý tại phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai	115
Nguyễn Thị Gấm, Đào Thị Hương - Ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ ngân hàng tới sự thỏa mãn của khách hàng tại Vietinbank - chi nhánh Thái Nguyên	121
Nguyễn Thị Thanh Thủy - Đầu tư trực tiếp nước ngoài với sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam	129

Chu Thị Hà, Đỗ Thị Hà Phương, Nguyễn Thị Giang, Lin Xiao Wu - Nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của người lao động tri thức tại Việt Nam	135
Trần Viết Khanh, Đỗ Thúy Mùi - Một số giải pháp phát triển nông nghiệp vùng Tây Bắc	141
Nguyễn Thị Lan Anh - Tăng cường quản lý sử dụng kinh phí cho hoạt động y tế tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên	147
Nguyễn Thị Giang, Đỗ Thị Hà Phương, Chu Thị Hà, Hồ Lương Xinh - Hiệu quả kinh tế trong sản xuất nấm ăn của các hộ gia đình ở huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	153
Đỗ Thị Vân Hương - Phân tích hiệu quả mô hình trồng cây cà phê chè (<i>Arabica</i>), cây mắc ca (<i>Macadamia</i>) tại xã Ảng Tờ, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	159
Đặng Ngọc Huyền Trang, Dương Thị Thùy Linh - Xác định mối quan hệ giữa nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài và cán cân thương mại ở Việt Nam	165
Dương Thị Tinh - Thực trạng tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước năm 2016 và giải pháp cho những năm tiếp theo	171
Phạm Thị Thanh Mai, Nghiêm Thị Ngoan - Đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm chè mang chỉ dẫn địa lý “Tân Cương” của tỉnh Thái Nguyên	177
Nguyễn Thị Thảo - Kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2015	183
Nguyễn Thị Lan Anh, Đào Thị Hương - Phát triển mối liên kết các tác nhân trong chuỗi giá trị ngành hàng chè tỉnh Thái Nguyên	189
Trần Thùy Linh, Đỗ Hoàng Yến - Hoàn thiện các quy định về xác định hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường theo Luật Cạnh tranh 2004	195
Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Ngô Thị Quỳnh Trang, Phạm Thị Thu Phương, Hoàng Thị Lan Hương - Các rào cản trong việc áp dụng tiêu chuẩn khách sạn xanh ASEAN tại Hà Nội	201
Phan Thị Vân Giang, Phạm Bảo Dương - Một số vấn đề lý luận và bài học kinh nghiệm liên kết kinh tế trong chăn nuôi và tiêu thụ lợn thịt	207

PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ MÔ HÌNH TRỒNG CÂY CÀ PHÊ CHÈ (*ARABICA*), CÂY MẮC CA (*MACADAMIA*) TẠI XÃ ẨM TỖ, HUYỆN MƯỜNG ẨM, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Đỗ Thị Vân Hương*

Trường Đại học Khoa học - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

ẨM TỖ là một xã miền núi thuộc tỉnh Điện Biên. Điều kiện tự nhiên thuận lợi và người dân có kinh nghiệm, cần cù, chịu khó trong sản xuất là những tiền đề cơ bản để xã phát triển các loại cây trồng nông, lâm nghiệp. Cây cà phê chè và cây mắc ca tuy mới được đưa vào trồng tại xã Ẩm Tỗ nhưng đã thể hiện nhiều kết quả vượt trội so với các loại cây trồng khác. Để phân tích hiệu quả mô hình trồng cà phê, mắc ca tại xã Ẩm Tỗ, tác giả đã sử dụng kết hợp các nhóm phương pháp nghiên cứu lý thuyết và nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn. Kết quả nghiên cứu cho thấy điều kiện tự nhiên của xã phù hợp phát triển các mô hình trồng cà phê, mắc ca và trồng xen canh hai loại cây có giá trị này. Bài báo tập trung phân tích hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường các mô hình trồng cây cà phê, cây mắc ca của các hộ nông dân tại xã Ẩm Tỗ... Đây chính là cơ sở khoa học góp phần phát triển và nhân rộng mô hình cây trồng trên địa bàn xã Ẩm Tỗ, góp phần nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc tại địa phương

Từ khóa: Xã Ẩm Tỗ, mô hình nông nghiệp, cây cà phê, cây mắc ca, khu vực miền núi.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực tiễn cho thấy, cà phê, mắc ca là một trong những mặt hàng xuất khẩu có giá trị của nước ta, góp phần nâng cao thu nhập và hiệu quả kinh tế cho người dân. Trên địa bàn huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên, mô hình trồng cây cà phê chè, mô hình cà phê chè xen mắc ca và mô hình trồng cây mắc ca được lựa chọn phát triển đã đem lại hiệu quả tốt, giá trị kinh tế cao và ngày càng được nhân rộng. Đặc biệt tại xã Ẩm Tỗ, việc phát triển cây cà phê chè, cây mắc ca đã đem lại hiệu quả nhất định cho xã, kinh tế địa phương có những bước phát triển, các hộ gia đình đã phát huy tiềm năng lao động, tiềm năng đất đai, tiềm năng khí hậu một cách đúng mức. Sản xuất cây cà phê chè, cây mắc ca trở thành nguồn thu chủ yếu trong tổng nguồn thu nhập của gia đình. Hiệu quả từ các mô hình trồng cây cà phê chè, mắc ca sẽ trực tiếp thúc đẩy kinh tế hộ gia đình theo chiều hướng tích cực, giúp người dân địa phương xóa đói giảm nghèo, làm giàu trên vùng đất còn nhiều gian khó, đồng thời tạo ra một lượng hàng nông sản xuất khẩu có giá trị.

MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- *Mục tiêu:* Bài báo tập trung phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội từ việc phát triển các mô hình trồng cây cà phê, cây mắc ca tại xã Ẩm Tỗ, tỉnh Điện Biên.

- *Đối tượng nghiên cứu:* các mô hình trồng cây cà phê, cây mắc ca và hiệu quả kinh tế, xã hội mà mô hình nghiên cứu mang lại cho người dân địa phương.

- Trong quá trình nghiên cứu tác giả đã sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu:

+ Phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu.

+ Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn: gồm phương pháp điều tra, khảo sát thực địa và phương pháp điều tra xã hội học.

+ Phương pháp phân tích tính hiệu quả kinh tế - xã hội

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã Ẩm Tỗ, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên

Vị trí địa lý và đặc điểm tự nhiên

Xã Ẩm Tỗ nằm ở phía Bắc huyện Mường Ảng tỉnh Điện Biên, cách trung tâm huyện khoảng 2km, cách thành phố Điện Biên Phủ khoảng 45 km về phía Tây. Xã có vị trí khá quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế

* Tel: 0917758595, Email: vanhuongdhkh@gmail.com

của huyện Mường Ảng. Đây là vùng đất màu mỡ, phù hợp với việc phát triển nhiều loại cây trồng vật nuôi, đặc biệt là các loại cây công nghiệp dài ngày. Địa hình chủ yếu là đồi núi, độ cao so với mực nước biển từ 300 - >1500 m, chia làm 3 khu vực: Khu vực địa hình thung lũng, bãi bằng có độ cao 200-600 m chiếm >15,5% diện tích, khu vực địa hình đồi núi thấp sườn thoải có độ cao 600 - 1.200 m chiếm trên 69,32% diện tích. Khu vực địa hình núi trung bình độ cao 1.200-1.600 m chiếm khoảng 13,87% diện tích và khu vực địa hình cao nhất từ 1.600 m đến > 2.000 m chiếm gần 1,06% diện tích của xã.

Đất đai của xã Ảng Tờ phong phú, đa dạng với nhiều loại đất khác nhau. Các loại đất chủ yếu gồm: Đất phù sa, đất đen vùng nhiệt đới, đất đỏ vàng (hay còn gọi là đất Ferralit), đất mùn - vàng đỏ trên núi rất thích hợp cho phát triển cây cà phê, cây mắc ca. Các loại đất trong xã được chia theo cấp độ dốc cấp I đến độ dốc cấp IV (Từ dưới 3° - trên 25°).

Ảng Tờ chịu ảnh hưởng chung của khí hậu miền núi phía Tây Bắc Việt Nam, có khí hậu nhiệt đới gió mùa vùng núi, mùa đông lạnh. Suốt mùa đông duy trì một tình trạng khô hanh điển hình của khí hậu gió mùa, còn mùa hè nhiều mưa, mùa ít mưa từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau giá lạnh nhiệt độ không khí thấp, trời hanh khô, có sương muối; Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10 không khí nóng ẩm và mưa nhiều.

Trên địa bàn xã có suối Mường Ảng chảy dọc theo chiều dài của xã, ngoài ra còn một vài dòng suối nhỏ vừa phải góp phần cung cấp nước cho sản xuất đồng thời phát triển ngành nuôi trồng thủy sản tại xã

Đặc điểm dân cư và nguồn lao động

Theo số liệu điều tra đến thời điểm ngày 31/12/2015 toàn xã có: tổng số hộ là 873 hộ. Tổng số nhân khẩu là 4.039 nhân khẩu. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là: 1,97%. Mật độ dân số trung bình: 67,36 (người/km²). Người dân ở đây chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số: người Thái, H'mông, Khơ Mú và tỷ lệ nhỏ là dân tộc Kinh cùng với những nét đặc trưng văn hóa, bản sắc dân tộc. Số lao động trong độ tuổi của xã là 2.198 lao động, trong đó (Nam: 1.095; nữ

1.103). Lực lượng lao động của xã chủ yếu làm nghề nông, lâm nghiệp và đa số chưa qua đào tạo nghề. Người dân chịu khó, cần cù, tích cực học hỏi kinh nghiệm, kỹ thuật phục vụ trồng cây cà phê, mắc ca với mong muốn thoát nghèo và phát triển kinh tế. Nhà nước và địa phương có nhiều chính sách hỗ trợ phát triển cây trồng và coi đây là lợi thế để người dân tập trung làm việc lâu dài, ổn định [4].

Hiện trạng sử dụng đất, tình hình sản xuất cây cà phê và cây mắc ca tại xã Ảng Tờ

Năm 2015, diện tích đất tự nhiên của xã là: 5.996 ha, trong đó: Đất nông nghiệp chiếm 68,8%, đất phi nông nghiệp chiếm 30,4 %, đất chưa sử dụng chiếm 0,7 %. Trong những năm gần đây người dân đã tiến hành chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ các loại cây trồng khác thành các mô hình trồng thuần, trồng xen canh cây nông nghiệp dựa trên nền tảng khoa học kỹ thuật. Các mô hình không những đem lại hiệu quả kinh tế cao mà còn tận dụng hết tiềm năng có sẵn về nguồn tài nguyên đất đai, lao động. Mô hình sản xuất nông nghiệp điển hình ở xã gồm có mô hình trồng thuần cây cà phê, mô hình trồng xen cây cà phê với cây mắc ca và mô hình trồng thuần mắc ca [1]. Hiện nay trên địa bàn xã có 500 ha trồng cà phê thuần, có 80 ha trồng cà phê xen mắc ca và hơn 45 ha trồng mắc ca. Tính từ năm 2011 đến nay diện tích trồng cây cà phê tiếp tục tăng lên, diện tích trồng cây mắc ca tăng mạnh nhưng đa số chỉ là xen canh nên chắc chắn không xảy ra tình trạng tăng “nóng”, vì mỗi ha cà phê chỉ cho phép trồng xen mắc ca từ 100 - 185 cây/ha [5].

Hiện nay tại xã có 3 mô hình cây trồng, cụ thể: **Mô hình 1 (MH1):** Cà phê trồng thuần, khoảng cách trồng cây cà phê 3x3m (1.110 cây/ha) trồng chủ yếu ở khu vực đất thấp, chân đồi, núi; **Mô hình 2 (MH2):** Mô hình trồng cà phê xen mắc ca được trồng từ năm 2011. Khoảng cách trồng cây cà phê 3 x 3 m (1.110 cây/ha). Cây che bóng là cây mắc ca được trồng với khoảng cách 6 x 9m (3 hàng cà phê xen hàng mắc ca) (185 cây/ha). Cây giống mắc ca gồm 246, 816, OC, 508 và một số cây thực sinh. Mô hình này phát triển trên những khu vực đồi thấp hoặc địa hình bằng phẳng; **Mô hình 3 (MH3):** Trồng cây mắc ca

thuần tuy diện tích còn ít và trồng ở một số khu vực địa hình đồi dốc.

Kết quả điều tra và đánh giá giá trị các mô hình trồng cà phê, mắc ca xã Ấng Tở

Xã Ấng Tở có 14 bản, để làm rõ hiệu quả mô hình trồng cà phê chè, mắc ca, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 100 người đại diện 100 hộ gia đình (100 phiếu) chia đều cho 4 khu vực điều tra (mỗi khu vực 25 phiếu): Bản Co Có, bản Cha Nọ, bản Pá Cha, bản Cha Cuông. Đây là những khu vực điển hình trồng cà phê, mắc ca, vị trí phân bố đều trên địa bàn xã Ấng Tở và các phiếu điều tra chọn ngẫu nhiên các hộ dựa trên cơ sở hộ trồng mô hình cây cà phê thuần, cây cà phê xen mắc ca và cây mắc ca thuần. Trong tổng số 100 người được hỏi, nam giới chiếm 85 người (85%) và nữ giới 15 người (15%), tỉ lệ chủ hộ có trình độ học vấn tốt nghiệp tiểu học chiếm tỉ lệ khá cao 75 người (75%), tốt nghiệp Trung học cơ sở là 20 người (20%) và tốt nghiệp Trung học phổ thông 5 người (5%). Trong đó tỷ lệ số người được điều tra theo độ tuổi và giới tính như sau: 2% số người được hỏi dưới 18 tuổi đều là nam, 37% từ 18 - 35 tuổi (15% nam, 22% nữ), 47% từ 35 - 60 tuổi (33% nam, 14% nữ) và 14% trên 60 tuổi (nam 8% và nữ 6%).

Trong đó kết quả xử lý thông tin điều tra cho thấy:

- Các chủ hộ hầu hết tốt nghiệp tiểu học, không có trình độ Cao đẳng, Đại học. Trình độ dân trí ở mức thấp đã hạn chế rất lớn về việc tiếp cận khoa học - kỹ thuật trồng cây cà phê, cây mắc ca. Người dân địa phương phát triển mô hình nhờ các chính sách, hướng dẫn của cán bộ, các lớp tập huấn, cùng với kinh nghiệm trồng từ các hộ dân xung quanh.

- Nguồn nhân lực chính để duy trì mô hình trồng xen tại các nhóm hộ là lao động chính trong gia đình, tất cả các quy trình từ khâu sản xuất đến tiêu thụ được các hộ tận dụng sức lao động gia đình là chính. Số lao động trung bình của hộ là 2,40 lao động trở lên.

- Tương ứng 100 hộ điều tra tại xã, mô hình sử dụng đất chủ yếu của các hộ dân là trồng cà phê thuần chiếm 51%, mô hình trồng cây cà phê xen mắc ca đã, đang được các hộ dân mở rộng áp dụng và ngày càng mở rộng chiếm 38% và mô hình trồng mắc ca thuần chiếm 13%.

Hiệu quả của mô hình trồng cây cà phê, mắc ca

* *Về năng suất cà phê, mắc ca:* Qua kết quả điều tra: Năng suất cà phê giữa các mô hình trồng xen mắc ca so với mô hình trồng cà phê thuần cũng có sự khác biệt rõ rệt. Ở các mô hình trồng cà phê xen mắc ca (MH2), năng suất cà phê ổn định hơn so với mô hình cà phê thuần trung bình 4,28 tấn nhân/ha. Việc trồng cà phê xen mắc ca ở các độ tuổi khác nhau cũng có sự khác biệt về năng suất cà phê khá rõ. Bên cạnh đó mật độ mắc ca trồng khác nhau cũng ảnh hưởng đến năng suất cà phê. Năng suất mắc ca trong các mô hình trồng xen ổn định từ 2,55 - 3,10 tấn hạt/ha/năm, trung bình 3 năm 2,81 tấn hạt/ha/năm. Mô hình 1, năng suất cà phê biến động từ 4,08-4,25 tấn nhân/ha, trung bình đạt 4,16 tấn nhân/ha. Mô hình 3: năng suất mắc ca trung bình đạt 1,5 tấn hạt/ha/năm (bảng 1). Điều này chứng tỏ trồng mắc ca xen trong vườn cà phê với mật độ hợp lý có thể cho năng suất cao, ổn định hơn so với mô hình trồng thuần.

Bảng 1. Năng suất cà phê, mắc ca trong các mô hình

	Năng suất cây trồng		Năng suất cà phê (tấn nhân/ha)				Năng suất mắc ca (tấn hạt/ha)			
	Năm	2014	2015	2016	Trung bình 3 năm	2014	2015	2016	Trung bình 3 năm	
Mô hình cây trồng										
Mô hình trồng cà phê thuần (MH1)		4,08	4,16	4,25	4,16					
Mô hình trồng cây cà phê xen cây mắc ca (MH2)		3,75	3,97	4,40	4,28	2,55	2,77	3,10	2,81	
Mô hình trồng cây mắc ca thuần (MH3)						1,43	1,57	1,50	1,50	

Nguồn: Số liệu theo dõi các mô hình tại xã Ấng Tở

Bảng 2. Hiệu quả kinh tế của các mô hình trồng cà phê, mắc ca

Mô hình	Tổng thu (tr.đ/ha)			Tổng chi (tr.đ/ha)			Lợi nhuận (tr.đ/ha)	Hiệu quả đồng vốn
MH1 (Cà phê)	156,26			78,78			77,48	1,98
MH2 (Cà phê + Mắc ca)	Cà phê	Mắc ca	Tổng thu	Cà phê	Mắc ca	Tổng chi	214,87	3,12
	171,37	141,20	312,57	79,24	18,46	97,70		
MH3 (Mắc ca)	150,16			30,33			119,83	4,95

Xác định hiệu quả kinh tế các mô hình trồng cây cà phê, mắc ca của các hộ gia đình

Hiệu quả mô hình cây trồng tính trung bình trên 1 ha. Tính toán lợi nhuận trồng từ 3 mô hình trung bình trong 3 năm (2014, 2015, 2016) cho thấy, mô hình trồng cà phê xen mắc ca cho hiệu quả kinh tế khá cao, lợi nhuận 214,87 triệu đồng/ha/năm. Mô hình trồng thuần cây mắc ca cho lợi nhuận: 119,83 triệu đồng/ha/năm, mô hình trồng thuần cà phê có lợi nhuận 78,78 triệu đồng/ha/năm. Mô hình trồng thuần cây cà phê lợi nhuận: 77,48 triệu đồng/ha/năm. Hiệu quả đồng vốn mô hình 3 tuy cao hơn so với các mô hình còn lại tuy nhiên lợi nhuận thu được từ mô hình 3 còn thấp hơn nhiều so với mô hình trồng xen cà phê, mắc ca (bảng 2).

Thực tế điều tra so sánh phẩm chất cà phê nhân giữa các mô hình trồng xen mắc ca với mô hình cà phê trồng thuần cho thấy các lô trồng xen mắc ca, chất lượng cà phê nhân có chiều hướng được cải thiện về tỷ lệ nhân tươi, trọng lượng, kích cỡ nhân tăng lên. Mặt khác, cà phê trồng xen cây mắc ca còn giúp người nông dân tránh bớt các rủi ro về biến động giá cả, sâu bệnh hại do độc canh cà phê. Như vậy, việc trồng xen cây mắc ca trong vườn cà phê vừa có tác dụng là cây che bóng, vừa cho hiệu quả kinh tế cao và không có sự cạnh tranh về lao động.

Có thể nhận định, việc trồng xen cây mắc ca trong vườn cà phê đã đem lại hiệu quả kinh tế cao, cao nhất trong cả 3 mô hình, lợi nhuận của mô hình 2 cao hơn 2,77 lần so với lợi nhuận từ mô hình 1 và gấp 1,79 lợi nhuận mô hình 3. Không những vậy, trồng xen cây mắc ca còn có tác dụng phòng hộ cho vườn cà phê,

Nguồn: Số liệu theo dõi các mô hình tại xã Ấng Tò

giảm thiểu lượng nước tưới trong mùa khô, tái cân bằng tự nhiên, điều tiết và ổn định năng suất cà phê, mắc ca.

Hiệu quả xã hội

Các tiêu chí đánh giá hiệu quả xã hội bao gồm: tình hình kinh tế hộ gia đình, khả năng chăm sóc giáo dục, y tế, tạo cơ hội việc làm, sản xuất phù hợp với tập quán canh tác của địa phương,...

- Trước khi trồng cà phê, mắc ca, thu nhập thấp, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo cao, đời sống người dân xã Ấng Tò rất khó khăn. Hiện nay theo kết quả thu được từ quá trình phỏng vấn cho thấy: Số hộ chuyển từ hộ cận nghèo trở thành hộ thoát nghèo là 80 hộ (chiếm 80%). Số hộ từ hộ nghèo trở thành hộ cận nghèo chiếm 10%, số hộ gia đình có kinh tế trở thành hộ giàu ở xã (gia đình có của tích lũy, có ô tô, xe máy...) là 10 hộ (10%). Trong đó hộ dân ở bản Co Có và Pá Cha có sự lựa chọn phương án trở thành hộ giàu nhiều hơn so với người dân bản còn lại (tương ứng là 6 hộ và 2 hộ).

- Tình hình trang bị phương tiện sinh hoạt: Kết quả điều tra cho thấy sau một thời gian thu hoạch, các hộ đã mua sắm được trang thiết bị phương tiện sinh hoạt. Bản Co Có chiếm số lượng nhiều hơn cả với 30 chiếc tivi, tủ lạnh, 24 chiếc xe máy, 2 xe ô tô thuận tiện cho việc chở hàng, chở phân bón, chở cà phê, mắc ca sau khi thu hoạch và trao đổi ra thị trường. Kết quả cho thấy từ khi áp dụng mô hình trồng cà phê, mắc ca số lượng trang bị phương tiện của các hộ tăng lên đáng kể, tuy tỷ lệ hộ mua được ô tô chưa cao nhưng cũng thể hiện được hiệu quả mà các mô hình kinh tế này đem lại.

- Tạo công ăn việc làm cho người dân: hầu hết các hộ dân đều cho rằng nhờ mô hình trồng cây cà phê, mắc ca đã tạo ra công ăn việc làm cho lao động tại địa phương, giúp các hộ dân vượt qua khó khăn vươn lên làm giàu. Khi được hỏi về khả năng thu hút lao động của mô hình có tới 98 người (chiếm 98% số hộ) chọn phương án thu hút lao động cao, hầu hết lao động gia đình đã có việc làm, ngoài ra còn thu hút nguồn lao động từ các xã lân cận tạo cơ hội việc làm cho người dân.

- Trình độ văn hóa giáo dục và dịch vụ chăm sóc sức khỏe của người dân: Giáo dục và dịch vụ chăm sóc sức khỏe của người dân giữa các bản tốt hơn rất nhiều (100% số hộ đồng ý). Tỷ lệ người dân được chăm sóc sức khỏe ngày càng tăng. Các hộ gia đình có điều kiện kinh tế, chú trọng trong công tác chăm sóc sức khỏe. Người dân tích cực tham gia bảo hiểm y tế. Xã đã có trạm xã mới. Chính quyền địa phương thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền chăm sóc sức khỏe cho người dân. Sự quan tâm chăm lo giáo dục cho con em trong gia đình đã có nhiều thay đổi, trẻ em đã được tạo điều kiện đến trường, đặc biệt là các bé nữ. Hiện nay tỷ lệ con em địa phương đến trường học từ bậc tiểu học đến giáo dục chuyên nghiệp có xu hướng tăng dần so với trước. Xã Ảng Tờ có đủ 3 cấp trường học: mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở.

- Người dân đã biết áp dụng biện pháp kỹ thuật nâng cao năng suất cây trồng, nhất là việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật trong quá trình sản xuất. Hầu hết các hộ gia đình biết áp dụng kỹ thuật chăm sóc, làm cỏ bón phân, phun thuốc trừ sâu cho cây trong những pha sinh trưởng, thu hoạch một cách phù hợp. Những năm gần đây, người dân đã có kinh nghiệm trồng xen cây cà phê với cây mắc ca đúng thời vụ giúp cây cho năng suất cao mang lại thu nhập lớn cho người dân.

Như vậy, việc phát triển các mô hình cây trồng sẽ cho hiệu quả kinh tế - xã hội rất cao, góp phần xóa đói giảm nghèo hiệu quả và giúp người dân vươn lên làm giàu. Mô hình trồng cà phê, mắc ca tại xã Ảng Tờ là thiết thực và cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

Hiệu quả môi trường

Xã Ảng Tờ, huyện Mường Ảng là xã thuộc khu vực địa hình núi đất, thường xảy ra các hiện tượng: xói mòn, rửa trôi, thoái hóa đất do khai thác tài nguyên không hợp lý, vẫn có hiện tượng phá rừng. Việc trồng xen cây cà phê với cây mắc ca có nhiều ưu điểm: Cây trồng xen tạo thành các băng cây giúp ngăn chặn hiện tượng xói mòn, rửa trôi đất, bảo vệ dinh dưỡng đất, giúp tiết kiệm nguồn nước tưới nên phù hợp với những vùng có nguy cơ bị hạn. Sản phẩm phụ của cây trồng (bã cà phê, cành lá...) là nguồn phân hữu cơ tại chỗ cung cấp cho cây, sẽ giảm lượng phân bón hóa học cho cây cà phê, cây mắc ca từ đó đất đai sẽ được bảo vệ và tăng độ phì cho đất. Cây mắc ca có tác dụng giúp cải tạo đất, hạn chế rửa trôi đất sau những đợt mưa lớn. Ngoài ra cây mắc ca còn có tác dụng giữ ẩm cho cây cà phê. Lượng carbon tích lũy và khả năng dự trữ nước, ngăn chặn dòng chảy trong những khoảng thời gian mưa lớn đột ngột... đã chứng tỏ đây là mô hình thích hợp, góp phần quan trọng trong bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu [2].

Một số vấn đề còn tồn tại

- Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình trồng cà phê xen cây mắc ca đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường rất cao. Tuy nhiên không phải tất cả các khu vực trên địa bàn xã đều thuận lợi cho phát triển mô hình trồng xen cây cà phê và cây mắc ca. Do đó, người dân cần nghiên cứu kỹ đặc điểm tự nhiên khu vực để lựa chọn mô hình phát triển cây trồng phù hợp.

- Các hộ gia đình phát triển mô hình trồng thuần cà phê chưa nhận thức đầy đủ về việc nên trồng xen canh cây mắc ca ở giai đoạn 3 năm đầu là cần thiết để nâng cao hiệu quả kinh tế gia đình [5].

Và để phát triển mô hình trồng cà phê, mắc ca có hiệu quả tại địa phương địa phương cần chú ý đến một số giải pháp sau: Giải pháp về điều kiện tự nhiên, giải pháp về cơ chế chính sách, giải pháp về phát triển mô hình cây trồng, giải pháp về vốn đầu tư, giải pháp áp dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, giải pháp về thị trường tiêu thụ, giải pháp về cơ sở hạ tầng và giải pháp về bảo vệ môi trường. Khi giải quyết tốt, hiệu quả các nhóm giải pháp này, chắc

chấn phát triển sản xuất cà phê, mắc ca trên địa bàn xã Ang Tở sẽ đem lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội và môi trường, cải thiện đời sống người dân.

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy: Đất đai, khí hậu xã Ang Tở thích hợp cho phát triển 3 mô hình trồng và phát triển cây cà phê, cây mắc ca. Trong đó, hiệu quả kinh tế của các mô hình trồng cà phê, mắc ca thuần và cà phê xen mắc ca là khác nhau. Tuy nhiên, các mô hình sản xuất này đều đem lại hiệu quả tốt về mặt xã hội và môi trường. Kết quả nghiên cứu của bài báo khuyến nghị địa phương cần phát triển mô hình trồng cà phê, trồng mắc ca hoặc cà phê xen mắc ca tại địa phương trong đó ưu tiên mô hình trồng cà phê xen mắc ca trên những khu vực tự nhiên thích hợp. Kết quả này phù hợp với định hướng quy hoạch phát triển sản xuất nông, lâm

nghiệp và quy hoạch sử dụng đất của địa phương [3], [4].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2016), QĐ 1134/QĐ - BNN - TCLN, quyết định phê duyệt “*Quy hoạch phát triển cây mắc ca vùng Tây Bắc và Tây Nguyên đến năm 2020, tiềm năng phát triển đến năm 2030*”.
2. Trần Minh Tuấn (2014), “*Đánh giá hiệu quả kinh tế, khả năng bảo vệ đất và tiềm năng giảm phát thải của mô hình trồng xen cây họ đậu với cây cà phê tại huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên*”, Luận văn Thạc sỹ Nông nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên.
3. UBND huyện Mường Ảng (2010), “*Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011- 2015) huyện Mường Ảng*”.
4. UBND huyện Mường Ảng (2015, 2016), *Báo cáo kinh tế xã hội huyện Mường Ảng năm 2014 và năm 2015*.
5. UBND huyện Mường Ảng (2016), *Báo cáo tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp huyện Mường Ảng giai đoạn 2010 - 2015*.

SUMMARY

ANALYSE EFFICIENCY OF ARABICA AND MACADAMIA CROPS AT ANG TO COMMUNE, MUONG ANG DISTRICT, DIEN BIEN PROVINCE

Do Thi Van Huong*

TNU University of Sciences

Ang To commune is a mountainous commune in Dien Bien province that has a diverse and complex natural condition. This area has favorable natural conditions. Ethnic people have had a lot of experience and they are hard-working people in agricultural production. The results of paper show that the natural conditions of Ang To commune are suitable for the development of models of coffee, macadamia growing, shifting cultivation and intercropping of two valuable species. The paper focuses on the effectiveness of coffee and mahogany models of farmers in Ang To commune. This is the premise for the development and replication of the crop model, improving the lives of ethnic minorities in the locality.

Key words: *Ang To commune, agricultural model, Arabica, macadamia, mountainous area.*

Ngày nhận bài: 03/11/2017; **Ngày phản biện:** 28/11/2017; **Ngày duyệt đăng:** 29/12/2017

* Tel: 0917 75 85 95, Email: vanhuongdhkh@gmail.com

SOCIAL SCIENCE – HUMANITIES – ECONOMICS

Content	Page
Bui Hoang Tan - Ownership situation public field-land in Ha Chau district, Ha Tien province through studying cadastral registers of Minh Mang dynasty 17 (1836)	3
Doan Thi Yen - Tu Duc king's attitude towards Catholicism before and after 1962	9
Tran Minh Thuan - The land problems and spontaneous fights of farmers in Bac Lieu province under the French domination	15
Dong Van Quan - Types of democratic regime in the history and the present socialist democratic regime in our country	21
Le Thi Giang, Le Thi Huong - The original of formation of Ho Chi Minh thought on human beings, human development	27
Cao Thi Phuong Nhung, Ngo Thi Quang - Ho Chi Minh's talk about the study of theoretics in "the orientation speech at the opening ceremony of the first theoretics class at Nguyen Ai Quoc Institute"	33
Luu Thu Trang - The tragedy of Grigori Melekhov reflected in the relationship between Aksinia and Natalia in <i>Quietly Flows the Don</i> (M. Sholokhov)	39
Hoang Thi Tuyet Mai - The moon in Nguyen Huy Oanh's poetry	45
Nguyen Dieu Linh - <i>Onychostoma laticeps</i> in culinary culture of white Thai people in Son A commune, Van Chan district, Yen Bai province	49
Nguyen Thi Tan Tien, Ha Thi Hang - The differences of learning outcomes of students having taken the general informatics course with students obtaining the IC3 certificate at Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy	55
Dau Thi Thu - Training pedagogical profession for students through real professional activity experience	61
Nguyen Ngoc Binh, Duong To Quynh - Testing and assessing the learning outcome of the volleyball subject for students at Thai Nguyen University of Economics and Business Administration	67
Luu Quang Sang - Some suggestions of teaching Chinese characters for Vietnamese students	73
Hoang Thi Hai Yen - Applying Ho Chi Minh' ideology about morality in building morals, lifestyle of students in Thai Nguyen University of Technology currently	79
Phung Thi Tuyet, Nong Hong Hanh - Assessment of the project-based teaching and learning of the students major in Chinese at School of Foreign Languages, Thai Nguyen University	85
Tran Hoang Tinh - Situation and measures for planning and directing the implementation of disciplined education for students at centers for national defense and security education	91
Hoang Thi Ly - role of scaffolding activities in enhancing english reading skills among first year college students	97
Duong Thi Hong An, Dang Phuong Mai - Evaluating the EFL courseware at Thai Nguyen University of Information and Communication Technology	103
Ta Thi Mai Huong, Nguyen Van Thinh, Nguyen Thi Hanh Hong - Effects of portfolios on improving listening comprehension skill for students: a case study at Thai Nguyen University of Economics and Business Administration	109
Tran Tuan Anh, Do Van Hai, Tran Thi Thu Thuy, Hoang Van Hung - Research building multipurpose database to service land mangement in Coc Leu ward, Lao Cai city	115
Nguyen Thi Gam, Dao Thi Huong - Influence of service quality on customer satisfaction at Vietinbank- Thai Nguyen branch	121
Nguyen Thi Thanh Thuy - Foreign direct investment with the socio-economic development of Vietnam	129

Chu Thi Ha, Do Thi Ha Phuong, Nguyen Thi Giang, XiaoLi Wu - Factors affecting knowledge workers' job motivation in vietnamese enterprises	135
Tran Viet Khanh, Do Thuy Mui - Some agricultural development solutions in Tay Bac	141
Nguyen Thi Lan Anh - Enhanced management in use expense resources of health care activities in Thai Nguyen National General Hospital	147
Nguyen Thi Giang, Do Thi Ha Phuong, Chu Thi Ha, Ho Luong Xinh - Solution to improve economic efficiency of mushroom production at households in Dai Tu district, Thai Nguyen province	153
Do Thi Van Huong - Analyse efficiency of Arabica and Macadamia crops at Ang To commune, Muong Ang district, Dien Bien province	159
Dang Ngoc Huyen Trang, Duong Thi Thuy Linh - Determining relationship between foreign direct investment inflow and trade balance in Vietnam	165
Duong Thi Tinh - Status of restructuring state-owned enterprises in 2016 and solutions for next years	171
Pham Thi Thanh Mai, Nghiem Thi Ngoan - Guarantee for intellectual property rights on the "Tan Cuong" tea geographical indications of Thai Nguyen province	177
Nguyen Thi Thao - Implementation results of the poverty reduction program in Thai Nguyen province in 2011-2015	183
Nguyen Thi Lan Anh, Dao Thi Huong - The development of the relationship between workers in the value brand only chain in Thai Nguyen province	189
Tran Thuy Linh, Do Hoang Yen - Improving regulations on defining dominant abusive practices under Vietnamese Competition Law 2004	195
Nguyen Thi My Hanh, Ngo Thi Quynh Trang, Pham Thi Thu Phuong, Hoang Thi Lan Huong - Barriers to ASEAN green hotel standard in the hotel industry: a case study in Ha Noi	201
Phan Thi Van Giang, Pham Bao Duong - Some theoretical issues and experience lessons of integration in pig raising and pork consumption	207